| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN VĨNH THẠNH**<br>**THÀNH PHỐ CẦN THƠ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

*Bản án số: 16/2020/DS-ST*
*Ngày 09/07/2020*
*V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
# TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cương Lĩnh;

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Công Văn, Nguyên phó Bí thư xã đoàn Vĩnh Trinh.

- Bà Trần Thị Diễm Châu, Phó phòng Tài chính kế hoạch huyện.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thạch – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Khổng Phúc Vĩnh Nhật - Kiểm sát viên sơ cấp – Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2020/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXX-ST ngày 06 tháng 9 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Ngân Hàng N

Địa chỉ: Đường X, phường A, quận B, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: ông Tiết Văn T, Chức vụ: Tổng giám đốc

Chi nhánh nhận ủy quyền:

Ngân hàng N – Chi nhánh huyện V

Địa chỉ: đường P, ấp D, thị trấn T, huyện V, Thành phố Cần Thơ

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn T1, chức vụ: Giám đốc

Theo giấy ủy quyền số: 2965/QĐ – NHNo – PC ngày 27/12/2019 của Tổng giám đốc.

Ủy quyền lại cho: Phan Văn S, Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh Ngân hàng N – chi nhánh huyện V.

Theo văn bản ủy quyền ngày 29/4/2020.

Bị đơn: Ông Hà Vũ N

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện V, thành phố Cần Thơ

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Y

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện V, thành phố Cần Thơ

Bà Phan Thị M

Phan Quốc T2

Có người đại diện là bà Phan Thị M – là mẹ ruột

Cùng địa chỉ: ấp T1, xã S, huyện C, Thành phố Cần Thơ.

(Ông S, ông N, bà Y có mặt; bà M, ông T2 vắng mặt – Có yêu cầu xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 23/4/2020 và quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn trình bày và yêu cầu:*

Vào ngày 25/01/2016 ông Hà Vũ N ký hợp đồng tín dụng số 1805 –LAV – 201600202 để vay của Ngân hàng N – chi nhánh huyện V số tiền 500.000.000đ, nhằm mục đích mua máy súc hiệu sumitomo SH120, đóng tàu, thời hạn vay là 60 tháng tính từ ngày 25/01/2016 đến ngày 19/01/2021 đã trả dứt nợ; lãi suất thỏa thuận là 8,5%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn tương ứng với lãi suất tiền vay tại thời điểm quá hạn.

Tài sản đảm bảo nợ vay là đất và tài sản trên đất thuộc thửa số 1769, diện tích 40m$^2$, đất tọa lạc tại ấp T1, xã S, huyện C, Thành phố Cần Thơ, loại đất T, đất do bà M đại diện hộ đứng tên, bà M ủy quyền cho ông Hà Vũ N để đảm bảo thế chấp theo hợp đồng ủy quyền số 0215, quyển số 01/2016/TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 19/01/2016, tại Văn phòng công chứng V2.

Hiện tại dư nợ gốc còn: 470.000.000đ *(Bốn trăm bảy mươu triệu đồng)* và lãi phát sinh đến ngày 23/06/2020 là: 75.638.194đ, trong đó, lãi trong hạn là 73.796.528đ, lãi quá hạn: 1.841.667đ.

Tổng cộng gốc và lãi là: 545.638.194đ *(Năm trăm bốn mươi lăm triệu, sáu trăm ba mươi tám ngàn, một trăm chín mươi bốn đồng)*.

Do ông N thiếu thiện chí trả nợ, không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng đã thỏa thuận trong thời gian qua.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh:

Buộc ông N phải có trách nhiệm trả gốc và lãi tính tới thời điểm hiện tại gốc là 470.000.000đ *(Bốn trăm bảy mươi triệu đồng)*, lãi phát sinh tới thời điểm ngày 23/6/2020 là 75.638.194đ, trong đó, lãi trong hạn là 73.796.528đ, lãi quá hạn: 1.841.667đ.

Tổng cộng gốc và lãi là: 545.638.194đ *(Năm trăm bốn mươi lăm triệu, sáu trăm ba mươi tám ngàn, một trăm chín mươi bốn đồng)*.

Nếu ông N không thực hiện trả nợ đủ cho Ngân hàng, đề nghị xử lý tài sản đảm bảo thế chấp nêu trên để ưu tiên thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trong hợp đồng tín dụng thì bà Y vợ của ông N cùng với ông N ký tên để vay số tiền của Ngân hàng, nên yêu cầu bị đơn ông N và người liên quan là bà Y vợ của ông N cùng có trách nhiệm trả số tiền cho Ngân hàng.

*Bị đơn ông N trình bày tại biên bản lấy lời khai và biên bản đối chất ngày 23/6/2020 như sau:*

Ông thống nhất về số nợ vay gốc theo hợp đồng tín dụng, về lãi suất, thời hạn cho vay, mục đích vay cũng như tài sản mà ông đại diện thế chấp cho nguyên đơn như nguyên đơn trình bày là đúng.

Trong quá trình vay thì ông đã trả được 30.000.000đ gốc và lãi cho nguyên đơn như nguyên đơn trình bày là đúng.

Tính đến ngày 23/6/2020 ông còn nợ lại của ngân hàng tổng cộng gốc và lãi là: 545.638.194đ *(Năm trăm bốn mươi lăm triệu, sáu trăm ba mươi tám ngàn, một trăm chín mươi bốn đồng)*. Trong đó, gốc là 470.000.000đ *(Bốn trăm bảy mươi triệu đồng)*, lãi phát sinh tới thời điểm ngày 23/6/2020 là 75.638.194đ, trong đó, lãi trong hạn là 73.796.528đ, lãi quá hạn: 1.841.667đ.

Nay qua yêu khởi kiện của nguyên đơn thì ông cũng đồng ý trả số tiền nợ gốc là 470.000.000đ và lãi cho nguyên đơn, nhưng xin được trả dần theo khả năng. Cụ thể: Đến ngày 15/8/2020 trả dứt lãi của hợp đồng vay và 100.000.000đ nợ gốc; còn khoảng còn lại tiếp tục thực hiện theo hợp đồng trả nợ theo phân kỳ, hạn trả nợ cuối cùng là tháng 01/2021, để rút tài sản đảm bảo về trả cho bà M.

Tài sản đảm bảo nợ vay thuộc đất và tài sản trên đất thuộc thửa số 1769, diện tích 40m$^2$, đất tọa lạc tại ấp T1, xã S, huyện C, Thành phố Cần Thơ, loại đất T, đất do bà M đại diện hộ đứng tên, bà M ủy quyền cho ông Hà Vũ N để đảm bảo thế chấp theo hợp đồng ủy quyền số 0215, quyển số 01/2016/TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 19/01/2016, tại Văn phòng công chứng Vĩnh Thạnh, như nguyên đơn trình bày là đúng. Nhưng tài sản này của bà M là dì ruột của ông, do đó nếu phải xử xý tài sản đảm bảo này để yêu tiên thu hồi nợ như ngân hàng yêu cầu thì ảnh hưởng đến quyền lợi của bà M, bà M không có chổ ở khác. Nên yêu cầu Ngân hàng chậm lại cho ông trả như đề nghị. Toàn bộ tài sản thế chấp hiện do bà M quản lý sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

*Bà Nguyễn Thị Lệ Y trình bày tại biên bản lấy lời khai và biên bản đối chất ngày 23/6/2020 như sau:* Bà là vợ của ông N, thống nhất với lời trình bày của ông N, không bổ sung gì thêm. Đối với hợp đồng tín dụng bà có ký tên cùng với ông N để vay tiền của ngân hàng số tiền trên. Nay qua yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng tôi đồng ý cùng với anh N có trách nhiệm trả số tiền trên cho Ngân hàng.

*Bà Phan Thị M trình bày tại biên bản ngày 16/6/2020 như sau*: Bà là dì ruột của Hà Vũ N, vào ngày 19/01/2016 bà có ủy quyền cho Hà Vũ N thế chấp quyền sử dụng đất tai thửa số 1769, cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Vĩnh Thạnh, Tp Cần Thơ, bà ủy quyền để cho ông N thế chấp đảm bảo số tiền vay giữa ông N với Ngân hàng, việc vay tiền, mục đích sử dụng tiền vay như thế nào thì bà không biết. Đối với tranh chấp giữa Ngân hàng với ông N như thế nào thì bà không có ý kiến gì, nhưng bà không đồng ý để xử lý tài sản đảm bảo thế chấp cho Ngân hàng do bà không có vay tiền của Ngân hàng. Trong hộ khẩu tại thời điểm vay với Ngân hàng, chỉ có bà và con trai bà là Phan Quốc T, khi đó T còn nhỏ chưa đủ 18 tuổi. Do sức khỏe yếu nên bà yêu cầu xin được vắng mặt tại các nơi các cấp Tòa án trong tất cả các giai đoạn tố tụng.

*Anh Phan Quốc T2, sinh ngày 20/12/2004, có người đại diện Phan Thị M là mẹ ruột trình bày tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 30/6/2020 như sau:*

Anh T2 là con ruột của bà M, T2 và M là thành viên trong hộ khẩu của bà M, khi thế chấp, bảo lãnh cho N và ủy quyền cho N để thế chấp bảo lãnh cho N vay tiền của Ngân hàng N, khi đó T2 chưa đủ 15 tuổi, nên không ký tên trong hợp đồng. Hiện đất tại thửa số 1769, tờ bản đồ số 03, diện tích 40m$^2$, đã thế chấp bảo lãnh cho N vay

tiền thì anh T2 không có ý kiến gì, đây là chỗ ở duy nhất của anh và mẹ, nên anh không đồng ý cho Ngân hàng phát mãi tài sản nếu như N không thực hiện được trả nợ vay cho Ngân hàng. Do bận công việc nên anh yêu cầu được giải quyết vắng mặt tại các nơi các cấp Tòa án, trong tất cả các giai đoạn tố tụng.

*Phần các đương sự trình bày tại phiên tòa như sau:*

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đơn khởi kiện, yêu cầu phía bị đơn ông Hà Vũ N phải có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 470.000.000đ và lãi tính đến ngày 09/7/2020 là 77.602.639đ, trong đó lãi trong hạn là 75.572.083đ, lãi quá hạn là 2.030.556đ, không yêu cầu bà Y cùng trả nợ.

Yêu cầu phía bị đơn ông Hà Vũ N phải tiếp tục trả lãi phát sinh đến khi trả dứt số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết.

Nếu bị đơn không thực hiện việc trả nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo thế chấp là đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 1769, đất do bà M đại diện hộ đứng tên để ưu tiên thu hồi nợ.

Ông N thống nhất với yêu cầu của đại diện Ngân hàng, nhưng đề nghị được trả dần, cam kết hạn chót đến ngày 19/7/2020 sẽ trả gốc 100.000.000đ và toàn bộ số tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng, sau đó tiếp tục trả nợ theo phân kỳ.

Chị Y là vợ của anh N thống nhất với lời trình bày của anh N không bổ sung gì thêm, trước đây chị đồng ý cùng với anh N có trách nhiệm trả số tiền nợ cho Ngân hàng, nhưng tại phiên toàn do Ngân hàng không yêu cầu chị, nên chị không đồng ý cùng với anh N trong việc trả nợ cho Ngân hàng.

Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Tòa án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nếu bị đơn không trả ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là các quyền sử đụng đất đã thế chấp cho nguyên đơn, để ưu tiên thu hồi nợ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án. Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, nên cần đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa bà M, anh T2 có người đại diện là bà M (mẹ ruột) vắng mặt, có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà M và cháu T2 theo qui định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Bởi trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn ông N thừa nhận nợ và đồng ý có trách nhiệm trả số tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết số 1805 –LAV – 201600202, ngày 25/01/2016 được ký kết giữa ông Hà Vũ N với Chi nhánh NHN-huyện V, tính đến ngày 09/7/2020 số tiền còn nợ lại gốc là 470.000.000đ, lãi là 77.602.639đ. Trong đó, lãi trong hạn là 75.572.083đ, lãi quá hạn là 2.030.556đ. Tuy nhiên bị đơn ông N đề nghị phương án trả nợ dần cụ thể: Hạn chót đến ngày 19/7/2020 trả nợ gốc là 100.000.000đ và tổng số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng, đại diện phía nguyên đơn không đồng ý, nên Hội đồng xét xử không thể công nhận sự thỏa thuận về phương thức trả nợ của các đương sự tại phiên tòa. Vấn đề này các đương sự có quyền thỏa thuận tại cơ quan thi hành án, trong quá trình thi hành.

[2.2] Về tài sản đảm bảo: Để đảm bảo cho hợp đồng vay, phía bà M có ủy quyền cho ông N thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 1769, tờ bản đồ số 03, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00891, cấp ngày 25/01/2012 là 40m$^2$, loại đất T, đất tọa lạc tại ấp T1, xã S, huyện C, Thành phố Cần Thơ, do bà Phan Thị M đại diện đứng tên quyền sử dụng. Việc thế chấp đã được các bên xác nhận, có công chứng, được đăng ký thế chấp với cơ quan có thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, nếu bị đơn không trả số nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản trên để ưu tiên thu hồi nợ.

[3] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông T2, sinh ngày 20/12/2004, con bà M, có chung hộ khẩu với bà M, tại thời điểm giao kết hợp đồng thế chấp chưa đủ 15 tuổi, nên không ký tên trong hợp đồng thế chấp là phù hợp. Đồng thời, phù hợp với lời khai của T2 trong quá trình giải quyết vụ án. Bà Y là vợ của ông N, bà Y có ký tên vào hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, nhưng tại phiên tòa bà Y

không đồng ý trả nợ chung với ông N, phía Ngân hàng cũng không yêu cầu đối với bà Y, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và chi phí thẩm định tại chôc: Lỗi là của bị đơn ông N, nên buộc bị đơn ông N phải chịu. Về chi phí thẩm định tại chỗ hết 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)*, nguyên đơn đã tạm ứng và chi xong, lỗi là của bị đơn ông N, nên buộc bị đơn ông N phải nộp để chuyển trả lại cho nguyên đơn.

[5] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định và quyết định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 4, 5, 6, 11, 14, 26, 35, 147, 207, 227, 228, 262, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều khoản 1, Điều 136 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao.

***Tuyên xử***: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N

Buộc ông Hà Vũ N có trách nhiệm trả số tiền vay tính đến ngày 09/7/2020 tổng cộng là: 547.602.639đ *(Năm trăm bốn mươi bảy triệu, sáu trăm lẻ hai ngàn, sáu trăm ba mươi chín đồng)*. Trong đó, gốc là 470.000.000đ, lãi là 77.602.639đ (lãi trong hạn là 75.572.083đ, lãi quá hạn là 2.030.556đ).

Kể từ ngày 10/7/2020 nếu bị đơn chậm trả số tiền trên còn phải chịu lãi suất tiếp theo hợp đồng tín dụng số 1805 –LAV – 201600202, ngày 25/01/2016 các bên đã giao kết, đến khi thanh toán dứt nợ.

Về xử lý tài sản đảm bảo: Nếu bị đơn không trả số nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 1769, tờ bản đồ số 03, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00891, cấp ngày 25/01/2012 là 40m$^2$, loại đất T, đất tọa lạc tại

ấp T1, xã S, huyện C, Thành phố Cần Thơ, do bà Phan Thị M đại diện đứng tên quyền sử dụng, để ưu tiên thu hồi nợ.

Căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chổ do Tòa án lập ngày 16/6/2020 để xác định phần đất và tài sản các bên thế chấp đảm bảo.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp số tiền là 25.904.106đ *(Hai mươi lăm triệu, chín trăm lẻ bốn ngàn, một trăm lẻ sáu đồng)*.

Chi phí xem xét thẩm định: Các khoản hết 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)*, nguyên đơn đã tạm ứng và chi xong. Lỗi là của bị đơn nên phải nộp để chuyển trả cho nguyên đơn.

Ngân hàng N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 12.780.000đ *(Mười hai triệu, bảy trăm tám mươi ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền số AA/2019/016303, ngày 04/05/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, Tp Cần Thơ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án (trích sao án), để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

*"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hàn hán, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự".*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**

***Đã ký***

**Nguyễn Cương Lĩnh**

***Nơi nhận:***
- *TAND TP Cần Thơ;*
- *VKS huyện;*
- *Thi hành án dân sự;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*